

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**NGUYỄN TẮT ĐẠT**

**NHÀ NƯỚC VÀ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT  
NAM GIAI ĐOẠN TỪ 1981 ĐẾN NAY**

**CHUYÊN NGÀNH: Triết học**

**MÃ SỐ: 62 22 90 01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN TRIẾT HỌC**

**Hà Nội – 2010**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**Người hướng dẫn khoa học**

**Phản biện 1:**

**Phản biện 2:**

**Phản biện 3:**

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận án cấp Nhà nước  
Học viện khoa học xã hội  
*Vào hồi ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm 2010*

**Có thể tìm hiểu Luận án tại:  
Học viện khoa học xã hội  
Thư viện Quốc gia**

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN**

### **ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Tất Đạt (2005), “Vài suy nghĩ về quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam và giáo hội”, *Nghiên cứu tôn giáo* (6).
2. Nguyễn Tất Đạt (2008), “Tìm hiểu một số đặc điểm của Phật giáo trong hệ thống tôn giáo Việt Nam”, *Nghiên cứu tôn giáo* (3).
3. Nguyễn Tất Đạt (2008), “Tang thức người Việt theo Công giáo, Phật giáo và theo phong tục tín ngưỡng truyền thống vùng Đồng bằng Bắc Bộ”, *Nghiên cứu tôn giáo* (11).
4. Nguyễn Tất Đạt (2010), “Nhìn lại sự kiện thống nhất Phật giáo Việt Nam năm 1981 ”, *Công tác tôn giáo* (1+2).
5. Nguyễn Tất Đạt (2010), “Chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với Phật giáo từ năm 1945 đến nay”, *Nghiên cứu tôn giáo* (3).
6. Nguyễn Tất Đạt (2010), “ Vai trò của Nhà nước Việt Nam đối với việc thống nhất Phật giáo ở Việt Nam năm 1981”, *Quản lý nhà nước* (4).

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Năm 1981 Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập và được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính thức công nhận. Trong quá trình hoàng dương Phật pháp, Giáo hội Phật giáo góp phần không nhỏ vào sự nghiệp đoàn kết dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với vai trò và ảnh hưởng của Phật giáo trong lịch sử và hiện tại ở Việt Nam, chúng tôi nghĩ cần phải nghiên cứu một cách đầy đủ hơn GHPGVN vừa góp phần giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước với tổ chức tôn giáo này vừa phát huy được một trong những thành tố nội lực phát triển đất nước. Mối quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCHN) với GHPGVN có nhiều thành tựu tốt đẹp trong đó có nhiều điểm đáng trân trọng, song cũng cần phải suy ngẫm để rút ra những bài học kinh nghiệm ứng xử mối quan hệ này. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta đang xây dựng nhà nước theo định hướng pháp quyền XHCHN thì việc nghiên cứu bản thân các giáo hội là yêu cầu cấp bách để làm sở cứ góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về tôn giáo. GHPGVN là pháp nhân trong quan hệ với nhà nước, nếu mối quan hệ Nhà nước với Giáo hội hài hòa thì Giáo hội có điều kiện thuận lợi để tạo sự đồng thuận thực hiện hoàng dương Phật pháp. Còn ngược lại, Giáo hội quan hệ với Nhà nước không tốt sẽ gây cho Nhà nước cũng như Giáo hội những khó khăn nhất định, đó là điều khó tránh khỏi, vì trong một quốc gia, Phật giáo không thể không có quan hệ với chính quyền, và rất thiếu thực tế khi cho rằng Phật giáo có thể tồn tại độc lập với chính quyền ở Việt Nam.

Vừa qua, Đảng và Nhà nước có nhiều đổi mới về quan điểm, chính sách, pháp luật đối với tôn giáo giải quyết hài hòa quan hệ nhà nước với các tổ chức tôn giáo nói chung và GHPGVN nói riêng, thực tiễn đó rất cần được nghiên cứu tổng kết. Về mặt pháp lý, GHPGVN đại diện cho PGVN trong nước cũng như ngoài nước. Tuy nhiên, trên thực tế ngoài GHPGVN, còn tồn tại một số ít Tăng sĩ, một bộ phận nhỏ không được pháp luật công nhận, thí dụ như cái gọi là "Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất", đang hoạt động và có phần bị lợi dụng, tạo ra vấn đề gây khó khăn đáng kể với GHPGVN, cũng như Nhà nước Việt Nam, cần thiết phải xem xét tìm hiểu một cách nghiêm túc. Mặt khác nghiên cứu đề tài này còn góp phần làm rõ tính đúng đắn mềm dẻo, sáng tạo nhưng giữ được nguyên tắc của Đảng và Nhà nước ta trong việc ứng xử với GHPGVN, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc ứng xử với các tôn giáo khác. Nghiên cứu GHPGVN còn cho thấy khả năng thích ứng của Phật giáo với CNXH và với đời sống của dân tộc trong điều kiện hiện nay. Bước sang thế kỷ XXI, quá trình toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ hơn, quan hệ quốc tế của GHPGVN ngày càng mở rộng. Trong điều kiện xung đột sắc tộc, tôn giáo trên thế giới có chiều hướng gia tăng, việc mở rộng quan hệ đối ngoại của các tôn giáo nói chung và GHPGVN nói riêng sẽ mang tới cả mặt tích cực lẫn tiêu cực nên cần được quan tâm đúng mức.

Từ tất cả những lý do trên chúng tôi quyết định chọn vấn đề ***Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam giai đoạn từ 1981 đến nay*** làm đề tài luận án tiến sĩ triết học, chuyên ngành tôn giáo học.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án**

### **2.1. Mục đích của luận án**

Luận án nghiên cứu mối quan hệ giữa Nhà nước và GHPGVN để góp phần hiểu rõ hơn về GHPGVN, nhận thức đúng đắn, đầy đủ hơn về đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, làm rõ mối quan hệ Nhà nước và Giáo hội, từ đó rút ra kinh nghiệm, góp phần giải quyết mối quan hệ Nhà nước với GHPGVN một cách hài hòa, phát huy nội lực, đoàn kết toàn dân, phát triển đất nước.

### **2.2. Nhiệm vụ của luận án**

- Nghiên cứu sự ra đời, cơ cấu tổ chức và hoạt động của GHPGVN;
- Nghiên cứu mối quan hệ qua lại của Nhà nước đối với Giáo hội để thấy được sự tác động của Nhà nước đến GHPGVN cũng như ảnh hưởng của GHPGVN đối Nhà nước Việt Nam, từ đó rút ra những kinh nghiệm khi xử lý mối quan hệ này.

## **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là GHPGVN được thành lập tháng 11 năm 1981 và chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng, qua đó tìm hiểu mối quan hệ giữa Nhà nước và GHPGVN trong giai đoạn từ 1981 đến nay.

## **4. Phương pháp nghiên cứu của luận án**

Luận án dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về vấn đề tôn giáo. Luận án dựa trên phương pháp nghiên cứu tôn giáo học như xã hội học tôn giáo, triết học tôn giáo, sử học tôn giáo cùng các phương pháp khác liên quan tới tôn giáo. Đồng thời, luận án cũng vận dụng các phương pháp logic, thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp, quan sát, phương pháp điều tra khảo sát thực tế.

## **5. Đóng góp mới của luận án**

Đây là luận án tiến sĩ đầu tiên đề cập đến mối quan hệ giữa Nhà nước và GHPGVN, chỉ ra được những thành tựu và những vấn đề đặt ra trong mối quan hệ giữa Nhà nước và GHPGVN. Luận án cũng nêu lên những vấn đề, những khuyến nghị về mối quan hệ giữa Nhà nước và GHPGVN để có những phương thức thích hợp giải quyết này từ hai phía trong thời gian tới.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

Về mặt lý luận, luận án, góp phần làm rõ sự thành lập tổ chức và hoạt động của một tổ chức tôn giáo và quan hệ của nó với Nhà nước mà cụ thể là GHPGVN.

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu mối quan hệ giữa Nhà nước với Giáo hội, luận án muốn khẳng định đường hướng của GHPGVN là phát triển đồng hành cùng dân tộc, CNXH và sự nghiệp đổi mới đất nước. Luận án cho thấy đường lối, chính sách và chủ trương đổi mới của Nhà nước đối với tôn giáo và Phật giáo là đúng đắn. Trên cơ sở nghiên cứu mối quan hệ giữa Nhà nước với GHPGVN luận án đề xuất những kiến giải khoa học nhằm điều chỉnh chính sách quản lý của Nhà nước đối với Phật giáo cho phù hợp với tình hình mới.

## 7. Kết cấu của luận án

Ngoài lời Cam đoan, Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình của tác giả có liên quan đến luận án đã công bố, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

# NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬN ÁN

## Chương 1

### TỔNG QUAN

#### 1.1. Tổng quan các nguồn tài liệu

##### 1.1.1. Nguồn tài liệu gốc

Luận án sử dụng các văn kiện do GHPGVN ban hành, có liên quan đến nội dung luận án, như: *Hiến chương, Nghị quyết, Nội quy, Quy chế, Kỷ yếu và một số các văn bản khác...* Dựa vào văn kiện này cho phép tác giả nghiên cứu quá trình thành lập, tổ chức hoạt động, quan hệ của GHPGVN với Nhà nước. Luận án cũng sử dụng nguồn tư liệu do các cơ quan Đảng và Nhà nước ban hành liên quan đến GHPGVN để tìm hiểu đường lối, quan điểm của Đảng, quan hệ của Nhà nước đối với tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng. Các văn kiện của Đảng như *Nghị quyết, Chỉ thị, Thông tri, Thông báo, Báo cáo...* Các văn bản của Nhà nước bao gồm *Hiến pháp, Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Sắc lệnh, Nghị định, Quyết định, Chỉ thị, Thông tư, Báo cáo, Công văn...*

##### 1.1.2. Nguồn tài liệu liên quan

Luận án sử dụng tài liệu, công trình nghiên cứu của các cơ quan nghiên cứu, quản lý, các nhà nghiên cứu, quản lý có liên quan đến mối quan hệ Nhà nước với GHPGVN. Luận án có tham khảo các thư tịch, công trình, bài viết, của các nhà khoa học, các Tăng sĩ, cư sĩ Phật giáo trong và ngoài nước viết về tôn giáo nói chung và GHPGVN nói riêng, nhất là về mối quan hệ giữa Nhà nước với GHPGVN.

#### 1.2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

##### 1.2.1. Công trình nghiên cứu của các nhà khoa học đề cập đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam và mối quan hệ Nhà nước với Giáo hội

Phật giáo vào Việt Nam có nhiều đóng góp cho sự nghiệp dựng nước, mở nước, giữ nước của quốc gia, cùng với triết lý giải thoát, diệt khổ, cứu đời nên PGVN được nhiều học giả nghiên cứu. Cuốn *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam* của Đặng Nghiêm Vạn, khi nghiên cứu các tổ chức tôn giáo có đưa ra luận điểm: Không thể dựa vào tính tổ chức mà đánh giá tôn giáo này cao hơn tôn giáo khác, nhưng tính tổ chức cao có thể làm cho một tôn giáo dễ truyền bá dễ phát triển, tuy nhiên điều cơ bản là bản chất tôn giáo đó có chiếm được niềm tin của cộng đồng hay không; cuốn *Một số tôn giáo ở Việt Nam* của Nguyễn Thanh Xuân năm 2005 cũng dành một thời lượng để nghiên cứu quá trình du nhập và hoạt động của Phật giáo ở Việt Nam;

Chúng tôi rất lưu tâm đến cuốn *Bước đầu tìm hiểu về mối quan hệ Nhà nước và giáo hội* do Đỗ Quang Hưng chủ biên. Trong đó các tác giả cho rằng nghiên cứu quan hệ nhà nước với tổ chức tôn giáo tức là nghiên cứu nhà nước với tổ chức đại diện cho tôn giáo chứ không phải nghiên cứu bản thân tôn giáo, mối quan hệ Nhà nước với tổ chức tôn giáo thể qua chính sách của nhà nước đối với tôn giáo. Ngoài ra các tác giả đã đặt vấn đề nghiên cứu lịch sử và lý luận về mối quan hệ giữa nhà nước và giáo hội. Theo Đỗ Quang Hưng nhân loại đã trải qua ba giai đoạn: giai đoạn sơ khai thần quyền đồng nhất chính trị, giai đoạn xung đột giữa thế quyền và thần quyền, giai đoạn quốc gia thế tục, tác giả cũng liên hệ đến thực tại Việt Nam hiện nay. Cuốn *Tôn giáo quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay* của Nguyễn Đức Lữ đề cập đến cơ sở hình thành chính sách, nghiên cứu, phân tích chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo qua các thời kỳ. PGVN cũng được đề cập trong đề tài khoa học của các cơ quan nghiên cứu như đề tài nhánh cấp nhà nước *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay* của Nguyễn Hồng Dương, tác giả đề tài đã thể hiện được nguyên tắc bất dịch của Nhà nước ta là bình đẳng giữa các tôn giáo, nhưng mềm dẻo, linh hoạt khi đưa ra đưa ra những giải pháp quản lý cho từng tôn giáo. Đề tài cấp bộ *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX* do Nguyễn Quốc Tuấn chủ nhiệm, đề cập đến vai trò của Phật giáo trong thế kỷ XX, với nhiều nội dung phong phú, theo tác giả, Phật giáo miền Nam trước năm 1975 là một lực lượng chính trị xã hội thứ ba trong cuộc đối kháng giữa các bên ở miền Nam, đây là ý kiến đáng quan tâm. Các công trình trên, đã cung cấp nhiều tư liệu quý, nhưng các tác giả không lấy nhiệm vụ tìm hiểu một tổ chức tôn giáo như GHPGVN làm trọng tâm, không đặt vấn đề đi sâu nghiên cứu mối quan hệ GHPGVN và Nhà nước. Ngoài ra, GHPGVN còn được nghiên cứu trong các bài viết trên tạp chí, tuần báo, trang Web như: *Nhìn lại tiến trình thống nhất Phật giáo trong thế kỷ XX* của Nguyễn Đại Đồng, tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, 4/2008. Do khuôn khổ của trang báo nên các tác giả không thể trình bày hết được những nghiên cứu của mình về Giáo hội mà chỉ cung cấp những tư liệu và những nhận xét một số điểm về quá trình thống nhất PGVN và một số hoạt động của GHPGVN.

Có thể nói rằng, GHPGVN được thành lập từ 1981 đến nay chưa có một công trình khoa học thuộc lĩnh vực tôn giáo đề cập đến một cách toàn diện, tập trung nhất về Giáo hội và về mối quan hệ của Giáo hội với Nhà nước. Những bài viết những công trình nghiên cứu về PGVN của các nhà khoa học là có nhiều, trong đó có đề cập nông hay sâu, mặt này hay mặt khác về GHPGVN và mối quan hệ với Nhà nước, chúng tôi đều thấy cần học hỏi tiếp thu cả về kết quả nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu cũng như tư liệu sử dụng. So với nghiên cứu của chúng tôi có thể có điểm khác, nhưng chúng tôi đều lấy đó làm quy chiếu cho quá trình triển khai đề tài của mình.

### ***1.2.2. Mối quan hệ giữa Nhà nước với Giáo hội được đề cập trong các nghiên cứu của các tu sĩ, cư sĩ Phật giáo***

Trong quá trình hoạt động đạo pháp, nhiều tu sĩ, cư sĩ Phật giáo, đã dành thời gian nghiên cứu PGVN dưới nhiều góc độ. Cuốn *Việt Nam Phật giáo sử luận* tập 3 của Nguyễn Lang (Thích Nhất Hạnh), tác giả đề cập đến các cuộc thống nhất Phật giáo trước năm 1981, những cuộc thống nhất đó đem lại nhiều bài học cho lần Hội nghị thống nhất PGVN năm 1981 sau

này. Cuốn *Phật giáo thời đại mới cơ hội và thách thức* do Lê Mạnh Thát (Thích Trí Siêu) chủ biên lý giải vị trí của PGVN trong tình hình mới của đất nước, đề cập đến quan hệ của GHPGVN với Nhà nước trong đó có cả những ý kiến đối lập nhau. GHPGVN cũng được nghiên cứu trên các tạp chí, Thích Thanh Nhiễu đề cập tới sự cần thiết phải thay đổi nhân sự của giáo hội trong tạp chí Nghiên cứu tôn giáo số 2 năm 2007 với bài *Vấn đề đổi mới công tác tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam...*. Qua nguồn tài liệu trên, chúng tôi thấy, nghiên cứu về PGVN thuộc mảng đề tài được quan tâm viết nhiều hơn so với các tôn giáo khác. Khi tiếp thu các tài liệu trên chúng tôi thấy nổi lên các khuynh hướng: các công trình nghiên cứu, các bài viết đều khẳng định tính kịp thời, đúng đắn khi thành lập GHPGVN để quy tụ thống nhất các tổ chức, hệ phái Phật giáo ở Việt Nam; khẳng định tính chính thống của GHPGVN trước Nhà nước; các bài viết cũng thể hiện được sự tương đồng giữa Phật giáo với CNXH. Tuy nhiên, các tài liệu nghiên cứu trên cũng chưa đề cập một cách toàn diện, hệ thống về quan hệ Nhà nước Việt Nam và GHPGVN, tới vấn đề mà các thế lực thù địch và những kẻ cơ hội phản động vẫn phê phán cho rằng GHPGVN là giáo hội "quốc doanh".

## *Chương 2*

### **SỰ THÀNH LẬP, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

#### **2.1. Sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

##### ***2.1.1. Cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước năm 1981***

Năm 1946 Nhà nước Việt Nam phát động toàn dân thực hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Xã hội Việt Nam trong đó có PGVN đều chịu chi phối của giai đoạn chính trị kháng chiến này. Trong vùng tạm chiếm, năm 1951 các Tăng Ni cư sĩ thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Hòa bình lập lại ở miền Bắc, Phật giáo miền Bắc dưới sự giúp đỡ của Nhà nước đã thành lập Hội thống nhất Phật giáo Việt Nam năm 1958. Ở miền Nam sống dưới chế độ nguy quyền, Phật giáo miền Nam, dũng cảm đấu tranh với chính quyền nguy, góp phần cùng quân giải phóng đập tan chính quyền tay sai, thống nhất đất nước. Trong hoàn cảnh đó, năm 1964 Phật giáo miền Nam đã tự vươn lên bảo vệ đạo pháp và thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất. Tuy nhiên, các cuộc thống nhất trên đều không thành công do nhiều nguyên nhân khác nhau.

##### ***2.1.2. Sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam***

Năm 1976, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời, thống nhất quốc gia và thể chế chính trị. PGVN vốn có nhu cầu và động lực để thống nhất, nay lại có điều kiện thuận lợi là đất nước thống nhất, rào cản về giới tuyến giữa hai chế độ thù địch không còn. Nhu cầu đó, được Đảng và Nhà nước Việt Nam ủng hộ, giúp đỡ nên các tổ chức hệ phái PGVN đã tổ chức hội nghị thành lập một tổ chức chung vào tháng 11 năm 1981, lấy danh xưng là Giáo hội Phật giáo Việt Nam.



## **2.2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

### **2.2.1. Cơ cấu tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

Trong thành phần của GHPGVN gồm: Hệ phái *Bắc tông, Nam tông Khất sĩ* và hệ thống Tăng Ni cư sĩ, đây là thành phần quan trọng của Giáo hội, là trụ cột của Giáo hội, là người đại diện trong quan hệ với Nhà nước. Hệ thống tổ chức của GHPGVN gồm ba cấp hành chính: cấp Trung ương có Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự; cấp tỉnh có Ban Trị sự tỉnh hội, thành hội; cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành lập Ban Đại diện. Hệ thống giáo sản của Giáo hội được tiếp quản từ giáo sản của các tổ chức, hệ phái Phật giáo khi thành lập Giáo hội. Giáo sản cũng hình thành trong quá trình hoạt động của Giáo hội.

### **2.2.2. Hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua các kỳ đại hội**

Hoạt động của Giáo hội thể hiện ở ba phương diện: *Thứ nhất là truyền đạo*, truyền bá giáo lý, giáo lễ, giáo luật; *Thứ hai là Hành đạo*, thực hành giáo lý, tu tập, thực hiện giáo luật, lễ nghi, *Thứ ba là quản đạo* theo hệ thống hành chính dựa trên hiến chương, quy chế của GHPGVN. Để thực hiện ba phương diện trên, Giáo hội có các lĩnh vực hoạt động cụ thể dưới đây, với phương châm: Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội.

**Truyền bá giáo lý và cách thức tu tập:** Sau khi thành lập GHPGVN, cách thức hoàng pháp có sự thay đổi trên một số điểm: *Thứ nhất*, kết hợp truyền đạo theo sơn môn hệ phái truyền thống với theo địa giới hành chính lãnh thổ. *Thứ hai*, công tác truyền bá chánh pháp bước đầu được chuyên môn hóa theo ngành dọc. *Thứ ba*, nội dung giáo lý là tương đối thống nhất theo Trung ương giáo hội và thống nhất theo các hệ phái. *Thứ tư*, hoàng pháp kết hợp với hoạt động từ thiện, hoạt động nghi lễ và chú trọng đến việc áp dụng khoa học công nghệ.

**Đào tạo Tăng Ni, giáo dục Phật tử:** Là xây dựng thành viên Giáo hội trên hai mặt tuệ và đức. Trong chương trình, nội dung đào tạo Tăng Ni bao gồm phần nội điển và ngoại điển, vừa kết hợp Phật học với thế học. Kết hợp kinh, luật, luận của Bắc tông với Nam tông và các hệ phái khác.

**Xây dựng cơ sở tôn giáo:** GHPGVN chủ trương xây dựng cơ sở tôn giáo theo kiến trúc thống nhất, nhưng vẫn đảm bảo tính đa dạng theo từng địa phương và theo từng hệ phái. Thời gian qua do chính sách cởi mở của Nhà nước cũng như nỗ lực của Tăng Ni Phật tử mà nhiều cơ sở thờ tự của Phật giáo được xây dựng, tu bổ khang trang.

**Hoạt động kinh tế tài chính:** Tài chính của Giáo hội được tạo dựng từ ba nguồn: từ đóng góp của các thành viên Giáo hội; từ chính các Tăng Ni Phật tử, tư nhân trong nước và nước ngoài cúng dường hợp pháp và do bản thân Giáo hội tự tạo. Với tinh thần "Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực", GHPGVN đã đề ra phương hướng xây dựng kinh tế chùa. Ở Trung ương, Giáo hội thành lập Ban Tài chính kinh tế hướng dẫn các cấp giáo hội địa phương làm kinh tế.

**Hoạt động từ thiện, bảo vệ môi trường:** đạo Phật Việt Nam với xu hướng nhập thế, Phật pháp bất ly thế gian pháp nên gắn gũi với cuộc sống hàng ngày. Ngoài việc hoàng dương Phật pháp dẫn dắt tinh thần cho chúng sinh, GHPGVN còn tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo. Trung ương GHPGVN đã lập ra ban Từ thiện nhân đạo xã hội để hướng dẫn phối hợp hoạt động từ thiện nhân đạo và bảo vệ môi trường trong phạm vi toàn quốc và quốc tế.

**Hoạt động đối ngoại của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam:** Trên tinh thần hợp tác quốc tế để xây dựng hòa bình, an lạc cho tất cả chúng sinh, GHPGVN đã tham gia nhiều hoạt động quốc tế. Giáo hội đã thành lập Ban Hợp tác quốc tế để thực hiện công tác đối ngoại. Giáo hội cũng phối hợp với Nhà nước tổ chức thành công các hội nghị Phật giáo quốc tế tại Việt Nam như đại lễ Vesak năm 2008. . . .

### **2. 3. Tiểu kết**

Sau khi GHPGVN quy tụ các tổ chức và hệ phái, cơ cấu tổ chức của PGVN có nhiều thay đổi. Từ đây PGVN có một cơ cấu lãnh đạo chung, có bộ máy hành chính phân thành ba cấp, chia theo địa giới hành chính. Trong hơn ba mươi năm qua, mô hình Giáo hội đã có nhiều thay đổi về quy mô và số lượng. Để duy trì mạng mạch của Phật giáo, Giáo hội xây Học viện, trường, lớp đào tạo tăng tài, số Tăng Ni Phật tử và cơ sở thờ tự tăng lên nhiều lần. Các hoạt động từ thiện, hoạt động đối ngoại của Giáo hội đã có nhiều đóng góp cho xã hội và Nhà nước.

## **Chương 3**

### **THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VỚI GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỪ 1981 ĐẾN NAY**

#### **3.1. Nhà nước đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

**3.1.1. Chính sách, pháp luật tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam từ 1945 đến nay**

**Tự do tín ngưỡng, bình đẳng giữa các tôn giáo và đoàn kết dân tộc:** Ngay khi mới ra đời Nhà nước Việt Nam luôn xác định tôn giáo là một trong những vấn đề quan trọng nhất của chính quyền. Giải quyết vấn đề này, Nhà nước đưa ra chính sách tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo và đoàn kết dân tộc mà hạt nhân là đoàn kết lương giáo.

**Nhà nước nghiêm cấm lợi dụng tôn giáo để chống Nhà nước, nghiêm cấm hành vi mê tín dị đoan ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội:** Một mặt Nhà nước tôn trọng các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, mặt khác Nhà nước quy định các biện pháp chế tài đối với hành vi lợi dụng tôn giáo chống Nhà nước, hành vi mê tín dị đoan. Những quy định này thể hiện vị thế của Nhà nước với tư cách chủ thể quản lý, các tổ chức và mọi công dân trong đó có GHPGVN là đối tượng quản lý.

**Nhà nước hướng dẫn các tôn giáo thành lập tổ chức theo đường hướng hành đạo gắn với phụng sự dân tộc và cách mạng:** Sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, Nhà nước giúp đỡ các tôn giáo thành lập các tổ chức của mình. Đối với Phật giáo, Nhà nước hướng dẫn Tăng Ni Phật tử thành lập tổ chức Phật giáo chung là hội Phật giáo thống nhất Việt Nam.

#### **3.1.2. Chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Phật giáo**

Chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Phật giáo nằm trong chính sách chung đối với tôn giáo. Nhưng do Phật giáo gắn bó lâu đời với dân tộc và có nhiều điểm khác với các tôn giáo khác, vì vậy Nhà nước có những chính sách linh động, sáng tạo phù hợp với Phật giáo và phù hợp yêu cầu của cách mạng. Những chính sách đó thể hiện: *Một là*, Kêu gọi và tập hợp

các lực lượng Phật giáo vào cuộc kháng chiến kiến quốc. *Hai là*, Hướng dẫn giáo dục Tăng Ni Phật tử tinh thần yêu nước, đoàn kết và tôn trọng pháp luật, đồng thời chăm sóc đời sống vật chất cho Tăng Ni. *Ba là*, Giúp đỡ Phật giáo thống nhất trong một tổ chức, có đường hướng hành đạo tiến bộ và xây dựng bộ máy hành chính đạo. Đối với Phật giáo miền Nam, một mặt Nhà nước khẳng định những đóng góp đối với sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước, mặt khác cũng chỉ ra tình hình phức tạp của các tổ chức, hệ phái Phật giáo miền Nam. Trong các tổ chức, hệ phái này, một bộ phận nhỏ bị các thế lực thiếu thiện chí lợi dụng, đi ngược lại mục đích chân chính của đạo Phật. Qua đó Nhà nước chủ trương giúp đỡ Phật giáo miền Nam thống nhất với Phật giáo toàn quốc.

***Nhà nước đổi mới chính sách đối với tôn giáo:*** Từ năm 1990 Nhà nước đổi mới về quan điểm nhận thức tôn giáo và công tác tôn giáo. Nhà nước nhìn nhận Phật giáo trong mối quan hệ với văn hóa với đạo đức, đánh giá Phật giáo có nhiều đóng góp với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tôn giáo nói chung Phật giáo nói riêng là nhu cầu tinh thần của bộ phận nhân dân và còn tồn tại cùng sự nghiệp xây dựng CNXH, cốt lõi trong công tác tôn giáo là vận động quần chúng. Nhà nước Việt Nam dùng pháp luật để điều chỉnh các hoạt động tôn giáo.

### ***3.1.3. Quá trình hiện thực hoá chính sách của Nhà nước đối với Phật giáo Việt Nam***

***Giai đoạn thành lập GHPGVN:*** Đảng và Nhà nước lãnh đạo toàn dân tiến hành kháng chiến giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước là cơ sở chính trị xã hội, là điều kiện tiên quyết để thành lập GHPGVN. Nhà nước giúp đỡ về tinh thần, vật chất và tổ chức để các vị cao Tăng thạc đức trong PGVN tiến hành vận động thống nhất Phật giáo; Nhà nước công nhận tư cách pháp lý của GHPGVN, qua đó giúp Giáo hội trở thành tổ chức duy nhất đại diện cho Tăng Ni Phật tử Việt Nam.

***Giai đoạn từ 1981 đến 1990:*** Nhà nước tạo điều kiện để GHPGVN xây dựng bộ máy hành chính đạo ở Trung ương và các địa phương. Nhà nước ban hành văn bản luật và dưới luật điều chỉnh các hoạt động tôn giáo, đồng thời có văn bản riêng điều chỉnh các hoạt động Phật giáo. Giai đoạn này do ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh từ bên ngoài, nên quan hệ giữa Nhà nước với GHPGVN ít nhiều mất đi sự hài hoà cần thiết.

***Giai đoạn từ 1990 đến nay:*** Đảng và Nhà nước đổi mới chính sách về tôn giáo. Nhà nước thực hiện quản lý GHPGVN bằng pháp luật; quy định nhiều điều kiện thuận lợi hơn trước để GHPGVN hoàng dương Phật pháp. Nhà nước nhận thức được vai trò của GHPGVN đối với xã hội, vì vậy có chính sách khuyến khích các hoạt động từ thiện.

## **3.2. Giáo hội Phật giáo Việt Nam đối với Nhà nước**

### ***3.2.1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam đại diện cho Phật giáo Việt Nam trên phương diện hành chính với Nhà nước***

Trước khi thống nhất Phật giáo, các tổ chức Phật giáo đều tự nhận mình là đại diện cho PGVN trong quan hệ với Nhà nước cũng như quốc tế. Sau khi thành lập, GHPGVN trở thành chính danh trước Nhà nước kể cả đối nội và đối ngoại. Giáo hội chịu trách nhiệm quản lý bộ máy hành chính đạo, hệ thống Tăng Ni, hệ thống giáo sản, và là người thực hiện sứ mệnh truyền đăng tục diệt, hướng dẫn tín ngưỡng cho nhân dân.

**3.2.2. Giáo hội xây dựng phương châm hành đạo: Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội:** Mối quan hệ giữa Giáo hội với Nhà nước thể hiện rõ nét trong phương châm hành đạo của Giáo hội. Phật giáo với tinh thần bao dung, khai phóng nên khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo hoà mình vào dân tộc, gắn bó với vận mệnh dân tộc, trở thành một phần của văn hoá dân tộc. Lợi ích dân tộc là cầu nối giữa đạo Pháp với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước. Phương châm của Giáo hội cũng thể hiện tinh thần khế lý, khế cơ của Phật giáo.

**3.2.3. Giáo hội Phật giáo Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:** Với tư cách là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Giáo hội tập hợp các Tăng Ni cư sĩ Phật tử trong khối đại đoàn kết toàn dân. Thông qua Mặt trận Tổ quốc, Giáo hội và Nhà nước tăng cường được lòng tin và sự hiểu biết lẫn nhau. Tăng sĩ Phật giáo cũng đại diện cho Giáo hội và Phật tử tham gia Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

**3.2.4. Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng với Tăng Ni Phật tử xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:** GHPGVN hướng dẫn Phật tử có lối sống hướng thiện yêu lao động, thực hiện đường lối phát triển kinh tế của Nhà nước. GHPGVN quyên góp tài chính xây dựng các công trình kinh tế của địa phương, của quốc gia, ổn định đời sống Phật tử, giúp đỡ có hiệu quả những nơi xảy ra thiên tai bão lũ. Giáo hội phát huy lối sống từ bi không sát sinh, bảo vệ môi trường. GHPGVN cũng góp phần xây dựng khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết các tổ chức hệ phái, phá vỡ âm mưu chia rẽ Phật giáo, chia rẽ dân tộc, tạo ra sức mạnh bảo vệ Tổ quốc.

**3.2.5. Giáo hội Phật giáo Việt Nam với sự nghiệp đổi mới đất nước:** Trong công cuộc đổi mới đất nước GHPGVN động viên Phật tử phát triển sản xuất kinh doanh. Các Tăng sĩ Phật giáo là người hỗ trợ tinh thần cho các nhà kinh doanh, xây dựng lối sống làm giàu chính đáng. Trong đời sống chính trị đất nước, GHPGVN cử đại diện tham gia cơ quan dân cử, tham gia các tổ chức đoàn thể đóng góp trí tuệ xây dựng hệ thống chính quyền các cấp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

**3.2.6 Giáo hội Phật giáo Việt Nam hợp tác với Nhà nước trong hoạt động đối ngoại:** GHPGVN xây dựng mối liên hệ với Phật giáo các nước XHCN và các nước khác như Thái Lan, Căm Pu Chia. Góp phần xây dựng tình đoàn kết quốc tế. Các hoạt động đối ngoại GHPGVN làm chính phủ và nhân dân các nước hiểu thêm về đường lối, chính sách tự do tôn giáo của Nhà nước Việt Nam.

### **3.3. Những hạn chế trong mối quan hệ giữa Nhà nước với Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

#### **3.3.1. Về phía Nhà nước**

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn đặt vấn đề tôn giáo là một trong vấn đề trung tâm có tính chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trên thực tế cách thức giải quyết các vấn đề tôn giáo của các cơ quan Nhà nước lại mang tính sự vụ, chưa có tính chiến lược lâu dài, ổn định để hướng dẫn tín ngưỡng cho nhân dân, cũng như điều chỉnh các hoạt động Phật giáo. Có giai đoạn Nhà nước quan niệm tôn giáo gắn với cuộc đấu tranh tư tưởng, đấu tranh chính trị, nhìn Phật giáo thiên về yếu tố tiêu cực. Bên cạnh đó, một số cán bộ thiếu kiến thức về Phật giáo, vận dụng

sai lệch chính sách, làm ảnh hưởng không tốt tới quan hệ giữa Nhà nước và GHPGVN. Hiện nay Nhà nước đổi mới chính sách đối với tôn giáo, vì vậy các tôn giáo trong đó có Phật giáo phấn khởi tin tưởng vào sự nghiệp xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

### **3.3.2 Về phía Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

Sau khi thành lập, GHPGVN có nhiều cố gắng hoàn thiện tổ chức, xương minh Phật pháp góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy vậy GHPGVN cũng còn một số hạn chế mà nếu khắc phục được, chắc chắn Giáo hội sẽ đạt được nhiều thành tựu hơn nữa. *Thứ nhất*, Giáo hội có tâm lý thụ động, trông chờ sự giúp đỡ hướng dẫn từ phía các cơ quan Nhà nước. *Thứ hai*, Giáo hội chưa vận dụng hết tư tưởng “duy tuệ thị nghiệp” để hiến kế hộ quốc an dân như đã từng có trong lịch sử. *Thứ ba*, hoạt động quảng bá hình ảnh của Giáo hội ra nước ngoài còn khiêm tốn vì vậy nhân dân các nước và Việt Kiều hầu như chỉ biết đến các tổ chức Phật giáo hải ngoại. *Thứ tư*, đội ngũ Tăng Ni hiện nay là tương đối đông đảo, trong khi đó công tác quản đạo của Giáo hội chưa tương xứng, nên không tránh khỏi có số ít Tăng Ni vi phạm giới luật, đạo hạnh có phần sa sút ảnh hưởng đến uy tín của Giáo hội.

Từ khi thành lập đến nay quan hệ giữa GHPGVN với Nhà nước là ổn định, hài hòa. Tuy nhiên cũng có thời điểm, do chưa đánh giá hết vai trò của PGVN trong lịch sử, nhìn nhận Phật giáo có yếu tố yếm thế, mê tín nên quan hệ giữa Nhà nước với Giáo hội có đôi chút mờ nhạt. Cũng có lúc Nhà nước giúp đỡ Giáo hội có phần ưu ái hơn các tôn giáo khác, nên bọn phản động lợi dụng xuyên tạc mối quan hệ này. Hiện nay chúng ta xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, nên mối quan hệ giữa Nhà nước và GHPGVN dựa trên cơ sở pháp luật nên tiếp tục ổn định và có chiều sâu.

### **3.3. Tiểu kết**

Từ khi ra đời đến nay, Nhà nước Việt Nam thực hiện nhất quán chính sách tự do tôn giáo, các tôn giáo bình đẳng trong khối đại đoàn kết toàn dân. Vấn đề tôn giáo luôn là vấn đề có tính chiến lược lâu dài và được đặt trong vấn đề dân tộc. Quan hệ giữa Nhà nước đối với Giáo hội là thông qua chính sách, pháp luật về tôn giáo, thông qua quá trình hiện thực hoá chính sách đó trên thực tế. Nhà nước giúp đỡ Phật giáo thành lập Giáo hội là chủ trương đúng đắn, kịp thời. GHPGVN được Nhà nước hướng dẫn, giúp đỡ hoạt động theo hướng truyền đạo, hành đạo, quản lý đạo gắn liền với sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Quan hệ giữa GHPGVN đối với Nhà nước thể hiện ở vai trò đại diện cho PGVN trong quan hệ đối nội, đối ngoại, thể hiện ở tư cách là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Giáo hội xây dựng phương châm hành đạo tiến bộ, phù hợp với lợi ích Nhà nước và lợi ích của dân tộc. Tuy còn có một số hạn chế, nhưng về cơ bản trong hiện thực quan hệ giữa Nhà nước và GHPGVN là tốt đẹp hài hòa.

## *Chương 4*

### **QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VỚI GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM – BÀI HỌC KINH NGHIỆM, NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **4.1. Bài học kinh nghiệm qua mối quan hệ giữa Nhà nước với Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

##### ***4.1.1. Nhà nước có chính sách đúng đắn, thích hợp đối với tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng là nhân tố tiên quyết, quyết định mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam***

Chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước phải dựa chắc vào quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Đồng thời vận dụng sáng tạo, sinh động vào truyền thống lịch sử, đặt trong dòng phát triển của văn hóa Việt Nam và gắn với thành tựu của thời đại. Theo chúng tôi, nên xây dựng Nhà nước pháp quyền, đề cao các giá trị dân chủ nhân văn, đề cao tính thượng tôn của pháp luật. Một Nhà nước tiến bộ, hiệu quả thì sẽ được nhân dân và Phật tử ủng hộ.

##### ***4.1.2. Giáo hội tự chủ, phát huy giá trị văn hóa Phật giáo và tôn trọng pháp luật là phương thức thích hợp để giải quyết những hạn chế trong mối quan hệ giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam với Nhà nước***

Nhà nước tôn trọng hoạt động nội bộ của Giáo hội, để Giáo hội tự chủ trong hoạt động Phật sự, đây là chủ trương của Nhà nước và cũng là nguyện vọng của Giáo hội. Chủ trương này cũng không cho phép Giáo hội hay Tăng sĩ dựa vào thân quyền khuynh loát hay chi phối các hoạt động của chính quyền cả lập pháp, hành pháp, tư pháp. Hoạt động tự chủ của Giáo hội là dựa trên phương châm hành đạo tiến bộ, tôn trọng và tuân thủ chính sách và pháp luật của Nhà nước. Giá trị của văn hoá Phật giáo là tư tưởng hoà bình an lạc, đề cao trí tuệ, hướng dẫn tín ngưỡng cho Phật tử, hướng dẫn lối sống vô ngã vị tha, thân thiện môi trường; giá trị văn hoá Phật giáo còn thể hiện ở nghệ thuật kiến trúc, xây dựng các công trình như chùa, bia, tượng, tháp tạo ra không gian văn hoá tâm linh có giá trị nhiều mặt.

##### ***4.1.3. Nhà nước đồng thuận với Giáo hội Phật giáo trong ngôi nhà chung là dân tộc là cơ sở để xây dựng mối quan hệ Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam***

Nhà nước Việt Nam xây dựng trên học thuyết chủ nghĩa Mác - Lênin với quan điểm duy vật biện chứng, vô thần, khoa học mâu thuẫn với quan điểm duy tâm, hữu thần của tôn giáo. Để giải quyết mâu thuẫn đó, Nhà nước Việt Nam tìm những điểm tương đồng giữa GHPGVN với Nhà nước. Nhà nước tìm ra hình thức tổ chức thích hợp để tập hợp các chức sắc, tín đồ Phật giáo tham gia phong trào giải phóng dân tộc, kiến thiết quốc gia. Nhà nước và GHPGVN gặp nhau ở mục đích cùng phấn đấu cho lợi ích dân tộc, an lạc cho nhân dân.

##### ***4.1.4. Nhà nước xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đoàn kết các tổ chức hệ phái Phật giáo Việt Nam là xây dựng nước vinh đạo sáng***

Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách đại đoàn kết, thực hiện bình đẳng tôn giáo cấm kỳ thị tôn giáo là điều kiện để đoàn kết các tôn giáo. Nhà nước giúp đỡ Giáo hội đoàn kết thống nhất Phật giáo, với tư cách là chủ thể quản lý có đầy đủ quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp cho nên sự giúp đỡ của Nhà nước là mạnh mẽ hiệu quả. GHPGVN đề cao chánh pháp quy tụ các tổ

chức, hệ phái là góp phần tạo ra sự ổn định xã hội góp phần thực hiện thành công chính sách đoàn kết toàn dân của Nhà nước, tạo ra sức mạnh toàn dân tộc để phát triển đất nước, giữ vững độc lập chủ quyền.

## **4.2 Những vấn đề đặt ra qua mối quan hệ giữa Nhà nước với Giáo hội Phật giáo Việt Nam và khuyến nghị**

### **4.2.1. Những vấn đề đặt ra**

**Vấn đề "giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất":** Đây là một trong những nhân tố gây mất đoàn kết trong Phật giáo Việt Nam hiện nay. Mặc dù Phật giáo Việt Nam đã thống nhất trong một tổ chức từ 1981, nhưng một số ít tu sĩ Phật giáo mạo xưng là Giáo hội Phật giáo thống nhất, không cùng đạo đứng trong GHPGVN để hoàng dương Phật giáo phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân mà vẫn tiếp tục đứng riêng rẽ ảnh hưởng đến đoàn kết Phật giáo, ảnh hưởng đến trật tự xã hội.

**Phật giáo Nam tông Khmer:** Người Khmer không chỉ coi Phật giáo Nam tông là nhu cầu tinh thần của dân tộc họ mà Phật giáo Nam tông còn là văn hóa dân tộc, là tâm hồn, là thiết chế xã hội là đạo đức và sự tồn tại của người Khmer. Phật giáo Nam tông Khmer có mối liên hệ truyền thống lịch sử với Phật giáo Campuchia. Thời gian qua một số địa phương chưa thực hiện tốt chính sách tôn giáo và chính sách dân tộc nên khiến một bộ phận Phật giáo Nam tông Khmer bất mãn tham gia tổ chức phản động Khmer Campuchia Krom gây mất ổn định chính trị xã hội vùng Tây Nam Bộ. Đây là vấn đề quan trọng ảnh hưởng đến đoàn kết dân tộc và an ninh quốc gia, Nhà nước cần có chính sách chiến lược, toàn diện, giải quyết vấn đề này.

**Gia đình Phật tử:** Ra đời vào tháng 6 năm 1947 dưới sự hướng dẫn của các cư sĩ như Lê Đình Thám, Võ Đình Cường, mục đích là giáo dục thanh thiếu niên có lối sống đoàn kết nhân ái theo tinh thần Phật giáo. Từ năm 1992 Gia đình Phật tử phục hồi và phát triển mạnh, Nhà nước đã có văn bản hướng dẫn sinh hoạt của tổ chức này. Tuy nhiên cũng còn một số huynh trưởng có hoạt động ảnh hưởng an ninh trật tự cần phải giải quyết.

### **4.2.2. Dự báo về mối quan hệ giữa Nhà nước với Giáo hội Phật giáo Việt Nam và khuyến nghị**

#### **Dự báo về GHPGVN và quan hệ Giáo hội với Nhà nước**

Sơn môn sẽ còn tồn tại, nhưng sơn môn cũng là yếu tố dẫn đến mâu thuẫn với cách thức tổ chức theo đơn vị hành chính lãnh thổ, vì vậy đây là vấn đề Giáo hội phải giải quyết trong tương lai. Nền kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hoá sẽ tác động vào quan hệ giữa GHPGVN với Nhà nước trên cả hai mặt tích cực và tiêu cực, khiến Nhà nước và Giáo hội phải có những điều chỉnh để thích nghi. Số lượng Tăng Ni Phật tử trẻ sẽ đông đảo, đòi hỏi Giáo hội phải có đổi mới tổ chức và quản lý để đảm bảo trang nghiêm Giáo hội. Do ảnh hưởng của Giáo hội đối với xã hội ngày càng mở rộng nên vị thế của Giáo hội với Nhà nước sẽ thay đổi, Giáo hội sẽ tự chủ hơn trong các hoạt động Phật sự và từ thiện.

Trong tương lai sẽ xuất hiện những tổ chức, pháp môn tu tập không nằm trong GHPGVN kiểu như pháp môn Làng Mai tại tu viện Bát Nhã Lâm Đồng, điều này đang cần sự hợp tác giữa

Nhà nước và Giáo hội để thỏa mãn nhu cầu tâm linh lành mạnh của người dân. Giáo hội sẽ có bộ máy hành chính lớn hơn, nhiều khó khăn thách thức với vai trò người lãnh đạo của Giáo hội.

**Một số khuyến nghị:** Nhà nước nên tiếp tục chính sách bình đẳng tôn giáo, mở rộng hơn quyền tự do tôn giáo cả trên văn bản và quá trình hiện thực hoá quyền này trong thực tế. Để quan hệ giữa Nhà nước và GHPGVN đi vào chiều sâu, Nhà nước cần đề cao điểm tương đồng, vận dụng các yếu tố tích cực của Phật giáo vào chính sách của Nhà nước. Nhà nước khuyến khích GHPGVN tham gia các hoạt động xã hội, kịp thời ban hành luật về tôn giáo. GHPGVN chủ động đổi mới tổ chức quản lý hành chính đạo, phối hợp với Nhà nước trong đào tạo quản lý Tăng Ni. GHPGVN chủ động phát huy những điểm tương đồng giữa Giáo hội với Nhà nước, đặc biệt là văn hoá Phật giáo với tư tưởng khoan dung, đề cao trí tuệ và nguyên tắc lục hoà, phối hợp với Nhà nước giải quyết các vấn đề liên quan đến Phật giáo.

#### 4.3. Tiểu kết

Thành tựu quan trọng của GHPGVN là khẳng định được chỗ đứng trong lòng dân tộc, đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong mối quan hệ với Nhà nước, Giáo hội cũng có những thành tích đáng trân trọng. Trong công cuộc đổi mới đất nước, GHPGVN đóng góp với Nhà nước xây dựng lối sống đạo đức, trí tuệ, tâm linh, phê phán tệ mê tín dị đoan từ ngay trong lối sống của các Tăng Ni Phật tử và ngoài xã hội. Trong quan hệ đối ngoại, Giáo hội phối hợp với Nhà nước để xiển dương Phật pháp, đoàn kết quốc tế góp phần phát triển đất nước, giúp thế giới hiểu rõ chính sách tự do tôn giáo của Nhà nước Việt Nam.

## KẾT LUẬN

1. Sự thống nhất PGVN là quá trình lâu dài, từ thống nhất bộ phận đến thống nhất toàn thể, từ thay đổi về lượng đến thay đổi về chất. Động cơ thúc đẩy quá trình thống nhất là lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết của Tăng Ni, Phật tử Việt Nam được soi sáng bởi giáo lý Phật Đà từ bi, trí tuệ, lục hòa. Quá trình thống nhất PGVN là xuất phát từ tâm nguyện nội lực của PGVN và được trợ duyên rất lớn của Nhà nước Việt Nam. Đây là những điều kiện cần và đủ để thống nhất, thành lập tổ chức riêng của mình. Gần ba mươi năm qua, GHPGVN đã có quá trình lịch sử đáng để suy ngẫm, có bước phát triển khá quy mô về cơ cấu tổ chức và hoạt động, có bộ máy hành chính đạo ở hầu hết các địa phương trong nước, có đội ngũ tăng tài đông đảo để truyền giảng đạo đức, có sở đào tạo, cơ sở thờ tự được tu sửa, xây dựng mới số lượng nhiều, kiến trúc hoành tráng. Điều này đặt cơ sở cho bước tiến tiếp theo của Giáo hội, nhưng cũng đặt ra mối nguy đối với Phật giáo, khi Tăng Ni đông nhưng không nghiêm trì giới luật, không thu nhiếp thân tâm, bộ máy hành chính lớn, giáo quyền theo hướng tập trung dễ nảy sinh tranh chấp danh lợi, rơi vào tục hóa mà mất đi tính thiêng, Phật tính của giáo lý Phật Đà dẫn đến tan rã Giáo hội, suy tàn đạo Pháp.

2. Trong quá trình hoạt động, về Phật sự Giáo hội Phật giáo đã điều hòa đoàn kết được các tổ chức hệ phái, nghiên cứu giáo lý, xuất bản kinh sách, dẫn dắt Tăng Ni tu tập đúng chính pháp. Về thế sự, Giáo hội Phật giáo đã vận dụng tinh thần khế lý, khế cơ Phật Đà, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với Nhà nước Việt Nam, Giáo hội đề ra đường hướng hành đạo: "Đạo pháp -



Dân tộc - CNXH" ủng hộ đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và tôn trọng pháp luật. Dựa vào đường hướng hành đạo, cùng với sự ủng hộ của chính quyền, Giáo hội đã có những đóng góp không nhỏ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là các hoạt động từ thiện, văn hóa, đạo đức, đối ngoại, an ninh trật tự, đoàn kết toàn dân, xây dựng chính quyền.

3. Trong sự nghiệp cách mạng, Đảng và Nhà nước Việt Nam có quan điểm đường lối đúng đắn, thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo, tập hợp đoàn kết các tôn giáo phục vụ lợi ích dân tộc, đem lại hạnh phúc cho nhân dân thực hiện tốt đời đẹp đạo. Đối với Phật giáo, sau khi giải phóng miền Nam, Đảng và Nhà nước chủ trương hợp nhất các tổ chức hệ phái trong một tổ chức Phật giáo chung thống nhất là chủ trương đúng đắn, sáng suốt kịp thời. Một mặt chủ trương đó đáp ứng được tâm nguyện hoài bão của Tăng, Ni Phật tử Việt Nam trong thế kỷ XX, một mặt đáp ứng yêu cầu cách mạng là tập hợp các Tăng sĩ Phật giáo chân tu, đạo hạnh yêu nước, các tổ chức hệ phái có đường hướng hành đạo chân chính, tiến bộ, gạt bỏ những yếu tố mê tín những cá nhân thiếu thiện chí, gây cản trở đoàn kết thống nhất Phật giáo. Thực hiện chủ trương đó đã đem đến thành công với sự ra đời GHPGVN, điều hòa các tổ chức, hệ phái, chấp nhận sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, thực hiện hoàng dương Phật pháp mang lại lợi lạc cho nhân dân.

4. Quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam và GHPGVN là quan hệ thế quyền với thần quyền, giữa chính trị nhà nước với tôn giáo. Nhà nước Việt Nam luôn đứng trên tôn giáo, là chủ thể quản lý, còn tôn giáo trong đó có GHPGVN là đối tượng quản lý. Với bản chất dân chủ, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện, hướng dẫn GHPGVN hành đạo, truyền đạo, quản lý đạo, tạo ra mối quan hệ hài hòa giữa Nhà nước và Giáo hội. Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử và ảnh hưởng tả khuynh từ bên ngoài, có lúc Đảng và Nhà nước nhận thức Phật giáo nghiêng về đấu tranh chính trị và đấu tranh tư tưởng nên ít nhiều ảnh hưởng đến quan hệ Nhà nước với GHPGVN. Từ 1990 đến nay Đảng và Nhà nước đổi mới quan điểm nhận thức về tôn giáo và Phật giáo, đánh giá đúng vai trò của Phật giáo trong lịch sử đất nước, đặt Phật giáo trong mối quan hệ với văn hóa, đạo đức, với nhu cầu tín ngưỡng tinh thần của nhân dân, phát huy những giá trị tốt đẹp của Phật giáo để đoàn kết toàn dân, hướng dẫn tạo điều kiện để GHPGVN hoạt động đúng chính pháp tôn trọng pháp luật.

5. Với đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, Tăng Ni Phật tử Việt Nam đều hăng hái tham gia đóng góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bên cạnh đó còn có những cá nhân thiếu thiện chí mạo nhận GHPGVN thống nhất có những hoạt động vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến đoàn kết Phật giáo. Trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, nhiều vấn đề mới đặt ra cho GHPGVN và Nhà nước Việt Nam, một số tôn giáo mới được Nhà nước công nhận, lối sống hưởng thụ của thế tục, tâm linh quy ngưỡng, nương nhờ Phật giáo không đúng giáo lý Phật Đà, hoạt động chưa linh hoạt của Giáo hội đã nảy sinh tư tưởng phân ly tổ chức hệ phái, du nhập những pháp môn mới ảnh hưởng đoàn kết Phật giáo. Để giải quyết những vấn đề mới nảy sinh, Nhà nước Việt Nam chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền, thực hiện quản lý các hoạt động tôn giáo và Phật giáo bằng pháp luật, hướng dẫn giúp đỡ GHPGVN hoạt động năng động vừa duy trì được sự lãnh đạo của Giáo hội vừa tôn trọng yếu tố biệt truyền của sơn môn hệ phái. Các chư Tăng Ni tôn túc cùng Phật tử Việt Nam

đề cao giới luật, vận dụng trí tuệ để tìm ra một mô hình tổ chức đoàn kết thống nhất trong đa dạng, vừa trung lập vừa phối hợp với Nhà nước để hoàng dương Phật pháp hộ quốc an dân.